

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

Số: 177/TTr-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 28 tháng 5 năm 2024

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua chủ trương kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động;  
**phương án cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bắc Giang**

Kính gửi: HĐND tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ 17.

Căn cứ Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua chủ trương kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động và phương án cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bắc Giang (viết tắt Quỹ) như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN

#### 1. Cơ sở chính trị

Kết luận số 61-KL/TW ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng<sup>1</sup>; Công văn số 1577-CV/VPTW ngày 20/8/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng<sup>2</sup>;

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng<sup>3</sup>; Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị<sup>4</sup>;

Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2023-2028; Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bắc Giang lần thứ X, nhiệm kỳ 2023-2028;

Chương trình hành động số 04-CTHD/HNDTW ngày 08/3/2024 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam<sup>5</sup>; Kế hoạch số 120-KH/TU ngày 07/3/2024 của Tỉnh ủy Bắc Giang<sup>6</sup>.

#### 2. Cơ sở pháp lý

Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

<sup>1</sup> về việc xây dựng Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020”;

<sup>2</sup> về tiếp tục thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng

<sup>3</sup> (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

<sup>4</sup> “về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”

<sup>5</sup> Về thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội VIII Hội Nông dân Việt Nam”

<sup>6</sup> về việc thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị “về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”

Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Quyết định số 516/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ<sup>7</sup>; Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ<sup>8</sup>;

Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân. Theo đó, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, quy định “*Các Quỹ Hỗ trợ nông dân đã thành lập, hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải thực hiện quy trình kiện toàn tổ chức, hoạt động và trình cấp có thẩm quyền<sup>9</sup> ban hành Quyết định phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân...*”.

### 3. Cơ sở thực tiễn

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Hà Bắc (nay là Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bắc Giang) thành lập theo Quyết định số 65-QĐ/HND ngày 10/5/1996 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Hà Bắc. Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh (Quỹ) hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng. Từ khi thành lập, Quỹ đã hoạt động tích cực và đạt nhiều kết quả, góp phần thực hiện thắng lợi các chương trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân và xây dựng Hội Nông dân các cấp vững mạnh; hạn chế tình trạng “tín dụng đen” hoạt động trên địa bàn nông thôn, góp phần ổn định chính trị, kinh tế, xã hội tại địa phương. Trong quá trình hoạt động, Quỹ luôn bảo toàn và phát triển nguồn vốn; dư nợ năm sau cao hơn năm trước, không tồn đọng vốn, không có nợ quá hạn, việc trích lập quỹ dự phòng bảo đảm đúng quy định.

Hiện nay, các mô hình kinh tế tập thể gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng, chính sách hỗ trợ từ ngân hàng vì không đảm bảo tiêu chí được vay vốn. Quỹ là kênh quan trọng để Hội Nông dân các cấp thực hiện chính sách hỗ trợ tín dụng của Đảng, Nhà nước đối với nông dân. Tuy nhiên, hiện nay nguồn vốn Quỹ còn thấp, chỉ đáp ứng được số ít nhu cầu vay vốn của các đối tượng (02% số hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, 10% mô hình kinh tế tập thể do Hội nông dân trực tiếp hướng dẫn và 35% Hội Nông dân cơ sở). Do vậy,

<sup>7</sup> về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ “về việc Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011-2020”

<sup>8</sup> về việc phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”

<sup>9</sup> Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP: UBND tỉnh quyết định phê duyệt Đề án sau khi HĐND tỉnh thông qua (HĐND tỉnh thông qua chủ trương thành lập, kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 45; Thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân từ nguồn ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP)

cần thiết phải kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động, bổ sung vốn điều lệ để duy trì và phát triển hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

## **II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với Hội Nông dân tỉnh xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bắc Giang (Đề án).

Đề án được gửi xin ý kiến các cơ quan liên quan; đồng thời Hội Nông dân tỉnh phối hợp với Hội Liên hiệp Khoa học kỹ thuật tỉnh tổ chức hội thảo tham gia đóng góp ý kiến vào Đề án. Các ý kiến được nghiên cứu, tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo Đề án (trong đó, Sở Tài chính và Sở Kế hoạch - Đầu tư nhất trí).

UBND tỉnh thông qua dự thảo Đề án, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh tại phiên họp tháng 5/2024; Ban Pháp chế, HĐND tỉnh thẩm tra theo quy định.

## **III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

### **1. Kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động của Quỹ**

#### **1.1. Tên gọi, địa vị pháp lý**

- Tên gọi: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bắc Giang.

- Địa vị pháp lý: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Hội Nông dân tỉnh Bắc Giang; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

Quỹ có tư cách pháp nhân, vốn điều lệ, con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội và các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

#### **1.2. Nguyên tắc, mục tiêu, phạm vi hoạt động và chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của Quỹ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, 5 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

#### **1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự của Quỹ**

- Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm:

+ Hội đồng quản lý (gồm 03 thành viên, là cán bộ Hội Nông dân tỉnh kiêm nhiệm theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP);

+ Ban Kiểm soát (gồm 03 thành viên, là cán bộ Hội Nông dân tỉnh kiêm nhiệm theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP);

+ Ban Điều hành gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc (do cán bộ Hội Nông dân tỉnh kiêm nhiệm theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP).

Ngoài ra, Quỹ ký hợp đồng lao động để thực hiện một số nhiệm vụ chuyên môn; lương và phụ cấp lương cho người lao động, người quản lý Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

#### **1.4. Phương án về hoạt động, quản lý tài chính của Quỹ giai đoạn 2024-2028**

##### **a) Hoạt động cho vay**

- Đối tượng vay vốn của Quỹ là hội viên hội nông dân trên địa bàn tỉnh có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Điều kiện, thời hạn và các nội dung liên quan đến hoạt động cho vay thực hiện theo Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

- Kế hoạch cho vay giai đoạn 2024 - 2028: Có Phụ lục 01 kèm theo.

##### **b) Hoạt động nhận ủy thác và ủy thác**

Thực hiện theo quy định Điều 24, 25 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

c) **Phương án về tài chính:** Có Phụ lục 02 kèm theo.

d) **Các nội dung khác:** Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát; biện pháp phòng ngừa, kiểm soát rủi ro trong quá trình hoạt động, chế độ tài chính, kiểm toán, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động Quỹ thực hiện theo Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

#### **2. Phương án về cấp, bổ sung vốn điều lệ Quỹ**

- Tại thời điểm kiện toàn bộ máy tổ chức và hoạt động, nguồn vốn Quỹ: **15.500.000.000** đồng<sup>10</sup> (Mười lăm tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

- Đến năm 2028: **50.900.000.000** đồng (Năm mươi tỷ, chín trăm triệu đồng). Nguồn hình thành vốn điều lệ của Quỹ được bố trí từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách tỉnh và bổ sung từ hoạt động của Quỹ.

Ngân sách nhà nước tỉnh cấp bổ sung qua các năm như sau: Năm 2024: 5 tỷ đồng; Năm 2025: 6 tỷ đồng; Năm 2026: 7 tỷ đồng; Năm 2027: 8 tỷ đồng; Năm 2028: 9 tỷ đồng. Vốn bổ sung từ kết quả kinh doanh của Quỹ là 400 triệu đồng.

*Lý do:* Năm 2024 tăng 05 tỷ đồng để đảm bảo chỉ tiêu giao tăng trưởng nguồn vốn Quỹ của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam<sup>11</sup>. Những năm tiếp theo, năm sau đề xuất tăng thêm so với mức tăng năm trước là 01 tỷ để đảm bảo nhu cầu vay vốn ngày càng tăng của các hộ nông dân<sup>12</sup>; đồng thời thực hiện mục tiêu tăng trưởng 10%/năm theo Kế hoạch số 120-KH/TU và phù hợp với tình

<sup>10</sup> Ngân sách nhà nước cấp: 15 tỷ đồng; bổ sung từ hoạt động của Quỹ: 400 triệu đồng; vận động 100 triệu đồng

<sup>11</sup> Theo Quyết định 175-QĐ/HNĐTƯ ngày 05/02/2024 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc giao chỉ tiêu thi đua công tác Hội và phong trào nông dân năm 2024

<sup>12</sup> Nâng tỷ lệ hộ nông dân SXKD giỏi được vay vốn từ 2% lên 4%; mô hình KTTT do Hội Nông dân hướng dẫn được tiếp cận vốn Quỹ từ 10% lên 15%; Hội Nông dân cơ sở được thụ hưởng nguồn vốn từ 35% lên 49%.

hình ngân sách địa phương. Mức tăng vốn điều lệ trên đã tham khảo của một số tỉnh<sup>13</sup> và phù hợp với khả năng quản lý, điều hành của Quỹ.

#### IV. ĐỀ NGHỊ

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua chủ trương kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động; phương án cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

*(Kèm theo dự thảo Đề án của UBND tỉnh, dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh)./.*

#### **Nơi nhận:**

- Như trên (04b);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Hội Nông dân tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Ánh Dương**

<sup>13</sup> Hiện nay, tổng vốn điều lệ của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bắc Giang đứng thứ 40/63 tỉnh; là một trong 20 tỉnh có Quỹ dưới 20 tỷ, thấp hơn so với các tỉnh bạn (Quỹ Hỗ trợ nông dân của một số tỉnh như sau: TP Hà Nội 650 tỷ đồng; Bắc Ninh: 82 tỷ đồng; Lai Châu 31,2 tỷ đồng; Thái Nguyên 30,9 tỷ đồng; Vĩnh Phúc: 38,6 tỷ đồng; Phú Thọ 20,9 tỷ đồng, Hưng Yên: 55 tỷ đồng; Hải Dương 40,5 tỷ đồng...).

**PHỤ LỤC 01****Kế hoạch cho vay giai đoạn 2024 - 2028***(Kèm theo Tờ trình số 177/TTr-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh)**Đơn vị tính: triệu đồng*

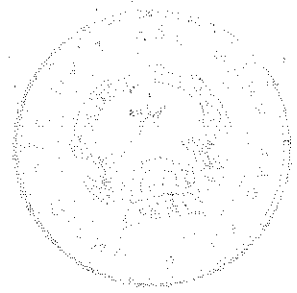
TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch/năm				
		2024	2025	2026	2027	2028
<b>I</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>20.500</b>	<b>26.500</b>	<b>33.600</b>	<b>41.700</b>	<b>50.900</b>
<b>II</b>	<b>Thực hiện chỉ tiêu vốn tín dụng</b>	20.500	26.500	33.600	41.700	50.900
1	Số dự án	40	47	55	63	72
2	Số hộ vay	310	370	440	520	610
3	Bình quân vốn/dự án	512	563	610	662	707

**PHỤ LỤC 02****Phương án tài chính giai đoạn 2024-2028**

(Kèm theo Tờ trình số 177/TTr-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chi tiêu	KẾ HOẠCH				
		2024	2025	2026	2027	2028
<b>A</b>	<b>Thu nhập</b>	<b>917</b>	<b>1.119</b>	<b>1.254</b>	<b>1.630</b>	<b>1.939</b>
1	Thu lãi từ hoạt động cho vay vốn	688	890	1.125	1.401	1.710
2	Thu khác	229	229	229	229	229
<b>B</b>	<b>Chi phí</b>	<b>917</b>	<b>1.119</b>	<b>1.254</b>	<b>1.630</b>	<b>1.939</b>
1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ: chi phí lãi và các phí tương tự-trích lập quỹ DPRR	220	240	352	580	760
2	Chi lương, BHXH, BHYT và các khoản nộp theo lương; chi PC cho CB trực tiếp quản lý, điều hành, chỉ đạo ...	400	480	500	580	670
3	Chi hoạt động quản lý và công vụ (công tác phí; điện nước, mua sắm vật tư thiết bị, VPP; cước phí bưu điện, điện thoại; hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo; công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán)	297	397	402	470	509





**ĐỀ ÁN**

**Kiến toàn tổ chức bộ máy và hoạt động  
của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bắc Giang**

**Phần I**

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN  
TỈNH BẮC GIANG TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN NAY**

**I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUỸ HỖ TRỢ  
NÔNG DÂN TỈNH TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN NAY**

**1. Quá trình hình thành**

Thực hiện Công văn số 4035/KTTH ngày 26/7/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân của Hội Nông dân Việt Nam; Quyết định số 80-QĐ/HND ngày 02/3/1996 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân; Công văn số 319-CV/TU ngày 20/4/1996 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Bắc về việc giao cho Hội Nông dân tỉnh xây dựng kế hoạch thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh bảo đảm đúng Quyết định và hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Ngày 10/5/1996, Ban Thường vụ Hội Nông dân Hà Bắc đã thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân<sup>1</sup> (gọi tắt là Quỹ). Theo đó, Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Từ khi thành lập đến nay, Quỹ cho vay theo dự án nhóm hộ (cùng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ một loại sản phẩm, ngành nghề) đã đạt được nhiều kết quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, hỗ trợ kịp thời, thiết thực cho hội viên nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh; tạo việc làm, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp tạo ra các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chất lượng, giá trị cao. Đến nay, tổng nguồn vốn Quỹ đạt 15,5 tỷ đồng, nhận uỷ thác vốn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam 15,285 tỷ đồng. Thông qua hoạt động Quỹ tạo điều kiện để hội nông dân đẩy mạnh tuyên truyền, tập hợp nông dân xây dựng tổ chức hội vững mạnh, thực hiện thắng lợi các chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

**2. Cơ cấu tổ chức bộ máy**

**2.1. Cơ cấu tổ chức**

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh gồm: Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh chỉ đạo chủ trương, định hướng hoạt động Quỹ (hoạt động như vai trò Hội đồng quản lý Quỹ).

<sup>1</sup> Quyết định số 65-QĐ/HND ngày 10/5/1996 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Hà Bắc

- Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: là cơ quan tham mưu, giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh thực hiện quản lý, điều hành hoạt động Quỹ, đồng thời trực tiếp quản lý, điều hành nguồn vốn Quỹ.

- Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: là cơ quan giúp việc cho Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh trong công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát các hoạt động của Quỹ bảo đảm hoạt động đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và quy định của pháp luật.

## 2.2. Nhân sự

Nhân sự Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh hiện nay do cán bộ, công chức của Hội nông dân tỉnh kiêm nhiệm. Trong đó, Ban Điều hành Quỹ có 05 người; Ban Kiểm soát Quỹ có 03 người.

## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG, HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA QUỸ

### 1. Kết quả hoạt động

#### 1.1. Về phát triển nguồn vốn

Nguồn vốn Quỹ từ khi thành lập đến nay được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước chuyển sang, nguồn vận động và nguồn bổ sung từ hoạt động đạt 15.500.000.000 đồng<sup>2</sup> (Mười lăm tỷ năm trăm triệu đồng), trong đó ngân sách tỉnh chuyển sang: 15.000.000.000 đồng; nguồn vận động ủng hộ: 100.000.000 đồng; nguồn bổ sung từ hoạt động: 400.000.000 đồng.

#### 1.2. Về sử dụng vốn

Hoạt động cho vay của Quỹ thực hiện thống nhất theo Điều lệ Quỹ, quy định của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khai thác, phát huy lợi thế của tổ chức hội trong việc lựa chọn địa bàn, mô hình xây dựng, thẩm định, giải ngân, kiểm tra, giám sát dự án<sup>3</sup>. Đến ngày 31/12/2023, nguồn vốn Quỹ được sử dụng cho vay triệt để, không có tồn đọng vốn, đã hỗ trợ vốn cho trên 2.200 lượt hội viên nông dân, thực hiện trên 120 dự án, doanh số cho vay lũy kế đạt trên 60 tỷ đồng, tạo việc làm ổn định cho hơn 1.000 lao động nông thôn, bình quân cho vay đạt trên 450 triệu đồng/01 dự án, dư nợ trên 50 triệu đồng/hộ vay.

### 2. Đánh giá hiệu quả hoạt động

#### 2.1. Những kết quả đạt được

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là một trong các quỹ tài chính nhà nước hoạt động hiệu quả; hỗ trợ cho vay lãi suất thấp so với lãi suất của các ngân hàng thương mại; hạn mức cho vay phù hợp với mặt bằng sản xuất kinh doanh và khả năng chi trả của đối tượng vay; thời gian cho vay phù hợp; các điều kiện, tiêu

<sup>2</sup> Tổng nguồn vốn của tỉnh đứng thứ 22/63 tỉnh, thành phố.

<sup>3</sup> Hiện nay Quỹ cho vay tối đa 100 triệu đồng/hộ, một dự án từ 300 triệu đồng đến 01 tỷ đồng, số hộ tham gia tối thiểu 05 hộ/dự án; thời gian vay tùy loại hình sản xuất, kinh doanh (theo chu kỳ cây, con), tối đa không quá 60 tháng

chí cho vay phù hợp, thủ tục vay vốn đơn giản, bảo đảm cho các đối tượng tiếp cận nguồn vốn vay nhanh. Tuy nguồn lực tài chính còn hạn chế nhưng Quỹ đã khẳng định là kênh tín dụng thiết thực, điểm tựa hỗ trợ vốn của nhà nông; nguồn vốn được bảo toàn và phát triển, không có nợ xấu, không có dự án phải khoan nợ, gia hạn nợ. Hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được thể hiện qua các mặt sau:

*Hiệu quả kinh tế:* Quỹ cho vay theo dự án nhóm hộ (cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, ngành nghề); đối tượng vay chủ yếu là các hộ trung bình, khá; có quyết tâm, khát vọng làm giàu, phát huy tối đa hiệu quả vốn vay, tính tương trợ, đoàn kết giúp đỡ giữa các hộ vay. Thông qua hoạt động cho vay/vay vốn đã hình thành cách thức làm việc theo nhóm, thành lập các tổ hội nông dân nghề nghiệp, chi hội nông dân nghề nghiệp<sup>4</sup> là nền móng vững chắc của tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp<sup>5</sup>; đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế nông nghiệp vì ba mục tiêu: năng suất cao, chất lượng cao, giá trị cao. Các dự án đều sử dụng vốn vay hiệu quả, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người vay, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp<sup>6</sup>, phát triển lên hợp tác xã hoạt động hiệu quả<sup>7</sup>; một số dự án ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất thành công<sup>8</sup>, nhiều sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu tỉnh Bắc Giang như: na Lục Nam, Táo Phi Điền, Dứa Hương Sơn, nhãn Lục Sơn, nụ hoa sâm nam núi Dành,...

*Hiệu quả chính trị:* Quỹ là kênh trợ vốn hữu hiệu, nơi chuyển tải kịp thời và hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đến đúng đối tượng thụ hưởng; Quỹ là công cụ, điều kiện quan trọng để hội nông dân thu hút, tập hợp, vận động hội viên nông dân tham gia sinh hoạt, củng cố niềm tin của hội viên với tổ chức hội; tiếp thêm nguồn lực nâng cao chất lượng công tác hội và phong trào nông dân. Nguồn vốn Quỹ đã góp phần vào thành công và lan toả phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững, trở thành điểm sáng trong đời sống kinh tế- xã hội ở nông thôn, thông qua đó đã xuất hiện nhiều tấm gương hội viên nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân Việt Nam xuất sắc<sup>9</sup>...khẳng định tổ chức hội thực sự là trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và xây dựng nông thôn mới.

<sup>4</sup> Hội đã thành lập 91 chi hội, 549 tổ hội nông dân nghề nghiệp.

<sup>5</sup> Hội đã thành lập trên 300 tổ hợp tác, hợp tác xã.

<sup>6</sup> Các dự án thủy sản (Lạng Giang, Tân Yên, Yên Dũng); dự án nuôi dê sinh sản (Yên Thế, Tân Yên); dự án trồng bưởi, ổi, táo (Lục Ngạn, Yên Thế, Tân Yên, Lục Nam); dự án trồng hoa chất lượng (Bắc Giang, Lạng Giang)...

<sup>7</sup> Dự án trồng bưởi đường Trung Sáu ở An Thượng (Yên Thế); dự án trồng nhãn tại xã Lục Sơn (Lục Nam); dự án nuôi dê sinh sản tại xã Lan Giới (Tân Yên); dự án nuôi cá nước ngọt tại xã Đại Lâm (Lạng Giang); dự án trồng cây ba kích tại xã Thanh Luận (Sơn Động)...

<sup>8</sup> Dự án trồng và thâm canh dưa lưới tại xã Thường Thắng (Hiệp Hoà), dự án chăm sóc vải thiều theo tiêu chuẩn Global GAP tại xã Hồng Giang, xã Quý Sơn (Lục Ngạn), dự án trồng và thâm canh cây táo Đài Loan tại xã Phi Điền (Lục Ngạn), dự án trồng và thâm canh cây sâm nam núi Dành tại xã Liên Chung (Tân Yên)

<sup>9</sup> Hằng năm có trên 100.000 hộ nông dân đạt danh hiệu nông dân SXKD giỏi các cấp; 13 nông dân Việt Nam xuất sắc; 02 nông dân được bình xét công dân Bắc Giang ưu tú,...

*Hiệu quả xã hội:* Từ việc cho vay vốn, Quỹ góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao đời sống của nông dân, tăng thu nhập, giảm nghèo, nâng cao quy mô sản xuất và sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề và các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn; tạo thêm việc làm mới, việc làm tại chỗ, giúp nông dân ổn định, yên tâm, gắn bó làm giàu trên quê hương; hỗ trợ hội viên nông dân kịp thời về vốn sản xuất, kinh doanh hạn chế tình trạng “tín dụng đen” hoạt động trên địa bàn nông thôn, góp phần ổn định chính trị, kinh tế, xã hội.

*Hiệu quả môi trường:* Thông qua các dự án vay vốn Quỹ, thực hiện chỉ tiêu thi đua hàng năm được Trung ương Hội giao hội viên nông dân tham gia sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm phải đăng ký, cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm. Hội có điều kiện tuyên truyền, theo dõi để giúp đỡ hội viên nông dân đưa các sản phẩm an toàn, chất lượng đến tay người tiêu dùng.

*Hiệu quả hoạt động tài chính:* Quỹ hoạt động bảo toàn và phát triển nguồn vốn, là kênh dẫn vốn hiệu quả. Kết quả tài chính hàng năm bảo đảm theo kế hoạch, hiệu quả. Dư nợ năm sau, cao hơn năm trước, không tồn đọng vốn, không có nợ quá hạn, trích lập quỹ dự phòng bảo đảm đúng quy định, kết chuyển kinh phí bổ sung nguồn vốn. Quỹ chấp hành nghiêm túc pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn; chế độ báo cáo và giám sát tài chính.

## 2.2. Những hạn chế, tồn tại

Nguồn vốn Quỹ còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn đầu tư mở rộng sản xuất, xây dựng mô hình kinh tế của hội viên nông dân. Hiện nay mới có 73/203 (35%) hội nông dân cấp cơ sở, 10% mô hình kinh tế tập thể<sup>10</sup> do hội nông dân hướng dẫn, 2% hội nông dân sản xuất kinh doanh được tiếp cận nguồn vốn Quỹ; quy mô dự án còn nhỏ, mức cho vay thấp<sup>11</sup>, chưa tạo được liên kết thực sự chặt chẽ giữa các hộ tham gia vay vốn; việc lựa chọn, xây dựng mô hình theo hướng liên kết sản xuất hàng hóa, mô hình điển hình để nhân rộng còn hạn chế; một số quy định hiện hành chưa phù hợp, bộc lộ một số bất cập như: mức cho vay, thời hạn cho vay, thời hạn trả nợ gốc,...

## 2.3. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

Việc thành lập, hoạt động của Quỹ được thực hiện theo quyết định của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, chưa có quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Luật Ngân sách năm 2015. Mô hình tổ chức, hoạt động của Quỹ chưa được kiện toàn theo quy định. Lĩnh vực cho vay của quỹ tập trung vào nông nghiệp, nông thôn nên còn tiềm ẩn nhiều rủi ro khách quan, khó lường (như hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh, mất mùa...).

<sup>10</sup> 91 chi hội, 549 tổ hội nông dân nghề nghiệp, trên 300 tổ hợp tác, hợp tác xã.

<sup>11</sup> 01 dự án từ 300 – 1.000 triệu đồng, mức cho vay còn thấp, trung bình từ 30 – 100 triệu đồng/hộ

## Phần 2

### SỰ CẦN THIẾT KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH BẮC GIANG

#### I. Cơ sở ban hành Đề án

##### 1. Cơ sở chính trị

Kết luận số 61-KL/TW ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc xây dựng Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010-2020”; Văn bản số 1577-CV/VPTW ngày 20/8/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng;

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị “về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”;

Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2023-2028; Nghị quyết Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bắc Giang lần thứ X, nhiệm kỳ 2023-2028;

Chương trình hành động số 04-CTHD/HNDTW ngày 08/3/2024 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị “về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”;

Kế hoạch số 120-KH/TU ngày 07/3/2024 của Tỉnh ủy Bắc Giang về việc thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị “về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”.

##### 2. Cơ sở pháp lý

Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Quyết định số 516/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ “về việc Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011-2020”;

Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”;

Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân;

Văn bản số 4035/KTTH ngày 26/7/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ hỗ trợ nông dân của Hội Nông dân Việt Nam.

### **3. Cơ sở thực tiễn**

Nông nghiệp Bắc Giang phát triển nhanh, ổn định, bền vững, hiệu quả theo hướng nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, hiện đại; đã hình thành một số vùng sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn, giá trị sản xuất nông, lâm, nghiệp thuỷ sản đứng thứ nhất khu vực trung du và miền núi phía Bắc, đứng thứ 4 miền Bắc, đóng vai trò quan trọng là trụ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm sự ổn định, thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu, điều kiện dịch bệnh. Tư duy sản xuất của nông dân đã chuyển biến rõ nét từ sản xuất truyền thống năng suất thấp, lạc hậu sang sản xuất thâm canh, bước đầu ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, tham gia hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị tạo ra một số sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP chất lượng, thương hiệu, giá trị kinh tế cao, góp phần phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh những thành tựu đạt được, nông nghiệp Bắc Giang vẫn còn một số hạn chế như quy mô sản xuất nhỏ lẻ, chưa gắn kết chặt chẽ với thị trường tiêu thụ; số hợp tác xã nông nghiệp nhiều nhưng chưa mạnh, quy mô nhỏ; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn chuyển dịch chậm; đa số hộ nông dân, mô hình kinh tế tập thể không bảo đảm đủ các tiêu chí để được vay vốn theo chính sách tín dụng ưu đãi cho phát triển nông nghiệp,...Giải pháp lâu dài trong thời gian tới tiếp tục có chính sách hỗ trợ nông dân về khoa học kỹ thuật, vốn, vật tư, phát triển kinh tế tập thể giúp nông dân liên kết sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

Trong những năm qua, Quỹ Hỗ trợ nông dân đã hoạt động đúng với mục đích, nguyên tắc hoạt động, bảo toàn và phát triển nguồn vốn. Nguồn vốn Quỹ cho vay theo dự án nhóm hộ (cùng sản xuất, kinh doanh một sản phẩm thực hiện các mô hình, dự án gắn với công tác xây dựng tổ chức hội), đồng thời lồng ghép với các hoạt động tư vấn, dịch vụ hỗ trợ và dạy nghề, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, nguồn vốn đã hỗ trợ hàng nghìn lượt hộ nông dân vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập (thu nhập bình quân của hộ vay vốn từ Quỹ tăng thêm 10% - 20% so với trước khi chưa tham gia dự án vay vốn); giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động ở nông thôn. Các ngành nghề thực hiện cho vay của Quỹ phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh. Thông qua hoạt động Quỹ, góp phần chuyển đổi nhận thức của nông dân từ sản xuất quảng canh, nhỏ lẻ, manh mún sang phương thức sản xuất thâm canh, liên kết, từng bước chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, chủ động

tham gia kinh tế hợp tác, hợp tác xã<sup>12</sup>. Đồng thời, hoạt động hội ngày càng được củng cố và phát triển.

Thực tiễn cho thấy phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đòi hỏi phải có sự đầu tư của Nhà nước, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là kênh dẫn vốn kịp thời, đúng đối tượng chính sách tín dụng của Nhà nước. Kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động để tiếp tục duy trì và phát triển Quỹ, tiếp thêm nguồn vốn giúp hội viên nông dân đầu tư mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm góp phần xây dựng nền nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh hiện đại.

## **II. MỤC TIÊU, SỰ CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA VIỆC TIẾP TỤC TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG QUỸ; NHU CẦU HỖ TRỢ NÔNG DÂN TẠI TỈNH; TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC KIỆN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY, HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH**

### **1. Mục tiêu**

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, hỗ trợ hội viên nông dân xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân; thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác, các mô hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy vai trò nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội, góp phần xây dựng nội nông dân ngày càng vững mạnh; tổ chức tốt và nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào nông dân, nhất là phong trào “nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; phong trào thi đua “cán bộ, hội viên nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể”; phát huy vai trò nòng cốt của hội nông dân trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

### **2. Sự cần thiết và tính khả thi**

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/ 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã khẳng định “*Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, là trụ đỡ của nền kinh tế. Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới*”. Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới trong đó đưa ra giải pháp về “*Nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, hỗ trợ vốn cho nông dân; mở rộng mô hình hội nông dân tín chấp cho nông dân vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh*”.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX “*Phát triển toàn diện các ngành kinh tế: công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, trong đó công nghiệp là*

<sup>12</sup> Hội Nông dân các cấp đã xây dựng được trên 500 mô hình kinh tế hợp tác, liên kết (tổ, nhóm) sản xuất, kinh doanh theo hướng sản xuất hàng hóa

*động lực chủ yếu, nông nghiệp làm nền tảng bảo đảm, dịch vụ là điều kiện thúc đẩy”, “xây dựng các mô hình sản xuất thâm canh theo hướng an toàn sinh học, tiêu chuẩn VietGap, GlobalGAP, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp”, “củng cố, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức, liên kết sản xuất, quản lý trong nông nghiệp theo hướng hợp tác, liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị”.*

Quỹ Hỗ trợ nông dân tiếp tục khẳng định vai trò trong việc kết nối, tập hợp hội viên nông dân cùng ngành nghề, lợi ích, khát vọng làm giàu; hỗ trợ vốn cho hội viên nông dân tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh, liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Việc cho vay theo dự án nhóm hộ đã phát huy thế mạnh ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của địa phương để xây dựng chi, tổ hội nông dân nghề nghiệp theo tiêu chí “5 tự”, “5 cùng” đồng thời làm nền tảng cho việc thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã theo định hướng của Đảng và Nhà nước<sup>13</sup>.

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh có những ưu điểm: (1) Bộ máy tổ chức gọn nhẹ, tiết kiệm chi phí, phân lớn chênh lệch thu chi từ hoạt động của Quỹ được sử dụng để bổ sung vốn hoạt động, tiếp tục cho vay quay vòng; (2) Cách thức tổ chức hoạt động cho vay của Quỹ đơn giản nhưng hiệu quả nhờ tận dụng lợi thế mạng lưới rộng khắp của tổ chức hội. Chất lượng tín dụng được bảo đảm, không có nợ xấu; (3) Cán bộ, công chức của hội nông dân thực hiện công tác cho vay đã phát huy lợi thế nắm rõ địa bàn, thẩm định cho vay sát thực tế, thường xuyên theo dõi các hộ vay vốn sử dụng vốn vay đảm bảo đúng mục đích, quản lý vốn vay hiệu quả; (4) Người vay có đủ năng lực pháp luật, hành vi dân sự theo quy định của Bộ Luật dân sự, có dự án xin vay, mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp, phương án sử dụng vốn khả thi, đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, có khả năng tài chính bảo đảm trả nợ trong thời hạn cam kết. Với cách tiếp cận nguồn vốn thuận lợi, thủ tục vay đơn giản, bảo đảm tiền vay bằng tín chấp của hội nông dân cấp xã, đã kịp thời trợ giúp nông dân thiếu vốn để phát triển sản xuất, góp phần đẩy lùi nạn “tín dụng đen” ở nông thôn.

Do đó, để bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý cho Quỹ triển khai hoạt động, việc xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức, hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là cần thiết. Đề án là cơ sở pháp lý quan trọng để Quỹ hoạt động và phát triển trong giai đoạn mới. Đây vừa là nhiệm vụ, vừa là điều kiện cần thiết trong việc đổi mới phương thức hoạt động, tập hợp, vận động nông dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước góp phần thực hiện thắng

<sup>13</sup> Thành viên HTX Nông nghiệp Bảo Ngọc (Xuân Phú, Yên Dũng): được vay 500 triệu đồng đã tạo điều kiện cho HTX phát triển, đa dạng và nâng cao chất lượng sản phẩm, HTX đã có 02 sản phẩm được công nhận OCOP 3 sao; HTX nông nghiệp Phi Điền (Lục Ngạn): được vay 500 triệu đồng đã giúp HTX có điều kiện mở rộng sản xuất, thị trường tiêu thụ sản phẩm, HTX đã có 02 sp được công nhận OCOP 3 sao, sản phẩm được tiêu thụ trong các siêu thị và xuất khẩu,...



lợi các nghị quyết của Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn<sup>14</sup> trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **3. Nhu cầu hỗ trợ vốn của nông dân trong tỉnh**

Toàn tỉnh, hiện có trên 250 nghìn hội viên, nông dân sinh hoạt ở 1.874 chi hội nông dân, 203 cơ sở hội; trên 100.000 hộ nông dân đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi các cấp; 549 tổ hội nghề nghiệp với 6.089 thành viên, 32 chi hội nghề nghiệp với 618 thành viên; 94 hợp tác xã với trên 1.000 thành viên, 164 tổ hợp tác với 2.460 thành viên. Hiện nay nguồn vốn Quỹ hỗ trợ nông dân mới chỉ đáp ứng được nhu cầu vay vốn của 02% số hộ nông dân SXKD giỏi, 10% mô hình kinh tế tập thể do hội nông dân trực tiếp hướng dẫn được hỗ trợ nguồn vốn Quỹ, 35% hội nông dân cơ sở được thụ hưởng nguồn vốn Quỹ. Thực tế các mô hình kinh tế tập thể rất khó khăn trong việc tiếp cận được nguồn vốn tín dụng chính sách hỗ trợ từ các ngân hàng vì không bảo đảm các tiêu chí được vay vốn, do đó Quỹ Hỗ trợ nông dân thực sự là kênh dẫn vốn tín dụng quan trọng để hội nông dân các cấp hiện thực hoá chủ trương chính sách hỗ trợ tín dụng của Đảng, Nhà nước đối với nông dân.

### **4. Đánh giá tác động của việc kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động của Quỹ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh**

#### *4.1. Về mặt kinh tế*

Tạo điều kiện cho hội viên nông dân được vay vốn thuận lợi, với lãi suất ưu đãi. Với nguồn tài chính dễ tiếp cận các hộ nông dân sẽ phát huy hiệu quả nguồn vốn, đầu tư sản xuất kinh doanh, mở rộng ngành nghề, tham gia các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, khai thác tiềm năng thế mạnh ở từng địa phương, tạo ra nông sản hàng hóa, dịch vụ chất lượng, hiệu quả cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

Giải quyết được vấn đề việc làm của nông dân, thu hút được đông đảo lực lượng lao động dư thừa khu vực nông thôn tham gia sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Hỗ trợ các hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi mạnh dạn đầu tư, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, chuỗi giá trị sản phẩm bền vững; xây dựng và nhân rộng các mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến, tạo sự lan toả trong kinh tế nông nghiệp.

#### *4.2. Về chính trị- xã hội*

Duy trì và phát triển một kênh hỗ trợ tín dụng ưu đãi hết sức quan trọng về nguồn vốn đối với hội viên, nông dân góp phần hiện thực hoá chủ trương của

<sup>14</sup> Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế hộ, kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, góp phần khẳng định chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước trong phát triển đất nước, gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm bình đẳng về cơ hội tiếp cận và được thụ hưởng thành quả của phát triển kinh tế - xã hội, không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

Tăng cường tình đoàn kết, chia sẻ, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong hội viên nông dân, tạo sự ổn định xã hội ở nông thôn; hạn chế chuyển dịch lao động từ nông thôn ra thành phố; thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của tổ chức hội nông dân, thực hiện tốt giải pháp về nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, hỗ trợ vốn cho nông dân, mở rộng mô hình hội nông dân tín chấp cho nông dân vay vốn phát triển sản xuất<sup>15</sup>, góp phần đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Hội theo hướng thiết thực, hiệu quả; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Hội; khẳng định vai trò trung tâm, nòng cốt của Hội Nông dân các cấp trong phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Nhu vậy, với những lợi ích đem lại cho người nông dân và tổ chức Hội Nông dân cũng như những tác động chính trị - xã hội, có thể khẳng định việc kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là cần thiết, góp phần phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nông dân văn minh.

### **Phần 3**

#### **NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

##### **I. TÊN GỌI, ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA QUỸ**

##### **1. Tên gọi:** Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bắc Giang.

Tên giao dịch quốc tế: Bac Giang Province Supporting Fund for Famer, viết tắt là BSFF.

Trụ sở của Quỹ đặt tại trụ sở Hội Nông dân tỉnh Bắc Giang. (*Tầng 7, toà nhà liên cơ quan khối Đảng, đoàn thể tỉnh, Quảng trường 3/2, thành phố Bắc Giang*).

##### **2. Địa vị pháp lý**

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Hội Nông dân tỉnh; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

<sup>15</sup> Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị

Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là Giám đốc Quỹ.

## **II. NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

### **1. Nguyên tắc hoạt động**

Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn;

Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ;

Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

### **2. Mục tiêu hoạt động**

Hỗ trợ hội viên nông dân xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân;

Tạo nguồn lực, điều kiện, công cụ để đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội góp phần xây dựng hội và phong trào nông dân.

**3. Phạm vi hoạt động:** Quỹ hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

## **III. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA QUỸ**

### **1. Chức năng, nhiệm vụ**

- Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật;

- Vận động các nguồn ủng hộ, tài trợ, viện trợ không hoàn lại cho hoạt động của Quỹ;

- Cho vay vốn đối với hội viên nông dân để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh;

- Nhận ủy thác cho vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Ủy thác cho Quỹ cấp huyện thực hiện nhiệm vụ cho vay theo Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

### **2. Quyền hạn**

- Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ;

- Được lựa chọn các phương án vay vốn đáp ứng đủ điều kiện để cho vay theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP;

- Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan;

- Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

- Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị, cá nhân có liên quan để vận động nguồn vốn hợp pháp tài trợ cho hoạt động của Quỹ.

### **3. Trách nhiệm**

- Tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ;

- Thực hiện các quy định về lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán ngân sách nhà nước đối với phần vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ;

- Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

## **IV. PHƯƠNG ÁN VỀ NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ GIAI ĐOẠN 2024-2028**

### **1. Nguồn vốn hoạt động**

Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ do ngân sách nhà nước cấp; quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính; vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản; chênh lệch thu chi chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý; vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ) và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định (nếu có).

### **2. Vốn Điều lệ của Quỹ**

Tại thời điểm kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động, vốn điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: 15.500.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ, năm trăm triệu đồng*)<sup>16</sup>.

Đến năm 2028 vốn điều lệ Quỹ là 50.900.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ, chín trăm triệu đồng*).

Nguồn hình thành vốn điều lệ: vốn điều lệ của Quỹ được bố trí từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách tỉnh và bổ sung từ hoạt động của Quỹ.

Cơ sở đề xuất vốn điều lệ Quỹ: khoản 1, Điều 29; khoản 2 Điều 30 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

<sup>16</sup> Ngân sách nhà nước cấp: 15 tỷ đồng; bổ sung từ hoạt động: 400 triệu đồng; vận động 100 triệu đồng

Bảng 01. Dự kiến tăng trưởng nguồn vốn Quỹ giai đoạn 2024-2028

DVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch/năm				
		2024	2025	2026	2027	2028
<b>A</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>20.500</b>	<b>26.500</b>	<b>33.600</b>	<b>41.700</b>	<b>50.900</b>
	<b>Tăng trưởng/năm</b>	<b>5.000</b>	<b>6.000</b>	<b>7.100</b>	<b>8.100</b>	<b>9.200</b>
1	Vốn NS cấp	5.000	6.000	7000	8000	9000
2	Vốn bổ sung từ KQ hoạt động			100	100	200
3	Vốn ủng hộ của Quỹ	-	-	-	-	-

*Lý do đề xuất:* Năm 2024 tăng 05 tỷ đồng để đảm bảo chỉ tiêu giao tăng trưởng nguồn vốn Quỹ của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Những năm tiếp theo, năm sau đề xuất tăng thêm so với mức tăng năm trước là 01 tỷ để đảm bảo thực hiện mục tiêu tăng trưởng 10%/năm theo Kế hoạch số 120-KH/TU ngày 07/3/2024 của Tỉnh ủy; tăng quy mô dự án và hạn mức cho vay phù hợp với nhu cầu vay vốn của hội viên nông dân; nhu cầu vay vốn của các mô hình kinh tế tập thể do Hội Nông dân hướng dẫn; hiệu quả sử dụng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân và phù hợp với tình hình ngân sách địa phương.

### 3. Khả năng vận động vốn ngoài ngân sách

Quỹ Hỗ trợ nông dân hoạt động chủ yếu tập trung từ nguồn vốn ngân sách tỉnh chuyển sang. Việc vận động, ủng hộ từ các tổ chức phi chính phủ, tập thể, cá nhân còn hạn chế (chiếm 0,6% trong tổng số vốn hoạt động). Giai đoạn tiếp theo, Quỹ Hỗ trợ nông dân sẽ tăng cường các hoạt động kêu gọi viện trợ, ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân đồng thời xây dựng kế hoạch hoạt động tài chính hiệu quả để bổ sung nguồn vốn hoạt động. Phấn đấu đến năm 2028 đạt 2% tổng nguồn vốn ngoài ngân sách.

## V. DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG, QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ GIAI ĐOẠN 2024-2028

### 1. Phương án hoạt động của Quỹ

#### 1.1. Hoạt động cho vay

Đối tượng vay vốn của Quỹ là hội viên hội nông dân trên địa bàn tỉnh có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

Điều kiện để được vay vốn thực hiện theo khoản 2, Điều 14 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

Thời hạn cho vay đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên tại Quỹ được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 05 năm (không bao gồm thời gian gia hạn nợ).

Thời gian cho vay cụ thể đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên nông dân do Quỹ xem xét, quyết định.

Tổng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá  $\frac{1}{2}$  thời gian cho vay tại Hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu.

Lãi suất cho vay của Quỹ được xác định trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp đủ chi phí quản lý và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay. Hội đồng quản lý quyết định mức lãi suất cho vay cụ thể của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh trong từng thời kỳ.

Đồng tiền cho vay và thu nợ là đồng Việt Nam (VNĐ).

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và khách hàng vay vốn thỏa thuận biện pháp bảo đảm tiền vay phù hợp với quy định của pháp luật về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và pháp luật khác có liên quan. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể về các hình thức bảo đảm tiền vay và thẩm quyền quyết định bảo đảm tiền vay tại quy định nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ.

Thẩm quyền quyết định cho vay, giới hạn cho vay, cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện thực hiện theo Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP.

*\* Hội đồng xử lý rủi ro*

Hội đồng xử lý rủi ro bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh làm Chủ tịch và các thành viên gồm: Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng và tối thiểu 02 thành viên khác do Ban Thường vụ Hội Nông dân cùng cấp quyết định.

Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

*Bảng 2: Kế hoạch cho vay của Quỹ giai đoạn 2024-2028*

*ĐVT: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch/năm				
		2024	2025	2026	2027	2028
<b>I</b>	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>20.500</b>	<b>26.500</b>	<b>33.600</b>	<b>41.700</b>	<b>50.900</b>
<b>II</b>	<b>Thực hiện chỉ tiêu vốn tín dụng</b>	20.500	26.500	33.600	41.700	50.900
1	Số dự án	40	47	55	63	72
2	Số hộ vay	310	370	440	520	610
3	Bình quân vốn/dự án	512	563	610	662	707

*2.2. Hoạt động nhận ủy thác*

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn cho vay và thu hồi nợ từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ Quỹ Hỗ trợ

nông dân Trung ương và từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khác có cùng đối tượng hỗ trợ tại địa phương.

Đồng tiền nhận ủy thác cho vay là đồng Việt Nam (VNĐ).

Việc nhận ủy thác thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác.

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh có trách nhiệm hạch toán, theo dõi riêng vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phải bảo đảm không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

Đối với phương án vay vốn sử dụng nguồn vốn nhận ủy thác có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Nghị định 37/2023/NĐ-CP thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với bên ủy thác.

Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh ban hành quy chế nhận ủy thác quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp trong quản lý vốn nhận ủy thác cho vay và các nội dung khác theo quy định pháp luật.

### 2.3. Hoạt động ủy thác

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được ủy thác cho Quỹ cấp huyện thực hiện một số nhiệm vụ trong quy trình cho vay nhằm tăng cường hiệu quả quản lý vốn vay, tiết kiệm chi phí.

Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức thỏa thuận tại văn bản ủy thác đã ký giữa các bên.

Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh ban hành quy chế ủy thác quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp trong quản lý vốn ủy thác cho vay và các nội dung khác theo quy định pháp luật.

## 3. Kế hoạch quản lý tài chính giai đoạn 2024-2028

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh hoạt động bảo đảm kinh phí trang trải cho hoạt động quỹ và trích lập các quỹ theo đúng quy định.

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	KẾ HOẠCH				
		2024	2025	2026	2027	2028
<b>A</b>	<b>Thu nhập</b>	<b>917</b>	<b>1.119</b>	<b>1.254</b>	<b>1.630</b>	<b>1.939</b>
1	Thu lãi từ hoạt động cho vay vốn	688	890	1.125	1.401	1.710
2	Thu khác	229	229	229	229	229
<b>B</b>	<b>Chi phí</b>	<b>917</b>	<b>1.119</b>	<b>1.254</b>	<b>1.630</b>	<b>1.939</b>
1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ:	220	240	352	580	760

	chi phí lãi và các phí tương tự- trích lập quỹ DPRR					
2	Chi lương, BHXH, BHYT và các khoản nộp theo lương; chi PC cho CB trực tiếp quản lý, điều hành, chỉ đạo .....	400	480	500	580	670
3	Chi hoạt động quản lý và công vụ (công tác phí; điện nước, mua sắm vật tư thiết bị, VPP; cước phí bưu điện, điện thoại; hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo; công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán)	297	397	402	470	509

Kết thúc năm tài chính: trích lập các quỹ theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

#### **4. Biện pháp phòng ngừa, kiểm soát các rủi ro trong quá trình hoạt động**

Rủi ro tín dụng: Quỹ hành đồng bộ các quy định về cho vay, quản lý tiền vay, quy định về bảo đảm an toàn vốn, quy trình nghiệp vụ, giới hạn cho vay, kiểm tra, đôn đốc áp dụng các biện pháp xử lý, thu hồi nợ, quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối chênh lệch thu chi, chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán; trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay, mua bảo hiểm tài sản đối với tài sản, theo đúng quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. Thường xuyên đào tạo, đào tạo lại nâng cao trình độ nghiệp vụ; nhận diện đo lường để ngăn ngừa và xử lý kịp thời các rủi ro tiềm ẩn, bảo đảm hoạt động của Quỹ hỗ trợ nông dân an toàn, đúng quy định.

Rủi ro nghề nghiệp: để giảm thiểu rủi ro nghề nghiệp, các quy định của Quỹ phải bảo đảm minh bạch, rõ ràng để tất cả cán bộ nghiệp vụ quỹ khi tác nghiệp phải tuân thủ; xây dựng bộ quy tắc ứng xử và văn hoá tổ chức, trong đó có văn hoá quản trị rủi ro nghề nghiệp; xây dựng chính sách quản trị nhân lực hướng tới mục tiêu phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đạo đức nghề nghiệp tốt; các quy trình nghiệp vụ được rà soát thường xuyên, hoàn thiện.

#### **5. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán và các hoạt động khác**

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện chế độ tài chính, nguyên tắc quản lý tài chính; chế độ kế toán, kiểm toán; các quy định về thực hiện quản lý, sử dụng vốn và tài sản Quỹ; bảo đảm an toàn vốn; chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Điều lệ Quỹ.

Năm tài chính của Quỹ từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hằng năm.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.



## **6. Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động Quỹ**

Quỹ bố trí nguồn vốn đầu tư bảo đảm phục vụ quản lý hoạt động của Quỹ theo khả năng thực tế, có khả năng tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Hội Nông dân tỉnh, Quỹ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam để quản trị hoạt động, cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP. Thời gian thực hiện đầu tư công nghệ: ngay sau khi Quỹ Trung ương vận hành hệ thống quản lý Quỹ trong toàn hệ thống.

Loại hình công nghệ dự kiến áp dụng: xây dựng hạ tầng công nghệ (thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh mạng...) hệ thống internet cho hoạt động của Quỹ, hệ thống internet Wifi phục vụ truy cập của người dùng cá nhân và thiết kế độc lập với hệ thống mạng của Quỹ để bảo đảm an ninh, an toàn trong quản lý, sử dụng.

## **VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH BẮC GIANG**

### **1. Cơ cấu tổ chức chung**

- Hội đồng quản lý;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Điều hành.

### **2. Hội đồng quản lý**

Hội đồng quản lý có 03 thành viên là cán bộ Hội Nông dân tỉnh hoạt động kiêm nhiệm, gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý và 02 thành viên, trong đó có một thành viên là Giám đốc Quỹ.

Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

### **3. Ban Kiểm soát**

- Ban Kiểm soát có 03 thành viên (gồm trưởng ban và các thành viên), là cán bộ Hội Nông dân tỉnh, do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh bổ nhiệm; hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh kiểm soát việc tổ chức, quản lý điều hành Quỹ.

- Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát Quỹ là 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại nhưng tối đa không quá 02 nhiệm kỳ.

### **4. Ban Điều hành**

Căn cứ quy mô nguồn vốn hoạt động của Quỹ giai đoạn 2024-2028, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động Quỹ an toàn, hiệu quả. Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh gồm:

- Giám đốc.
- Các Phó Giám đốc.
- Kế toán trưởng.
- Bộ máy giúp việc.

#### *4.1. Giám đốc*

Là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bắc Giang.

#### *4.2. Phó Giám đốc*

Giúp giám đốc điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản lý, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

#### *4.3. Kế toán trưởng*

Có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và giám đốc giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.

Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

#### *4.4. Bộ máy giúp việc*

Là cán bộ của cơ quan Hội Nông dân tỉnh được phân công trực tiếp thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

Người lao động được Quỹ tuyển dụng dưới hình thức hợp đồng lao động.

Bộ máy giúp việc đảm nhiệm các công việc chuyên môn, nghiệp vụ; tham mưu giúp cho Ban Điều hành Quỹ.

**5. Danh sách dự kiến các nhân sự gồm: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý; Ban Kiểm soát; Giám đốc và các nhân sự chủ chốt khác của Quỹ**

#### *5.1. Hội đồng quản lý*

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức vụ ở HND tỉnh	Chức vụ tại Quỹ
1	Lã Văn Đoàn	28/10/1974	Thạc sĩ	Nông nghiệp	PCT	Chủ tịch
2	Nguyễn Thế Thi	02/02/1979	Thạc sĩ	Kinh tế; Luật	PCT	thành viên
3	Dương Tiên Đăng	04/12/1975	Thạc sĩ	Luật	Trưởng ban	thành viên

### 5.2. Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức vụ ở HND tỉnh	Chức vụ tại Quỹ
1	Ngô Kim Tuyền	04/11/1968	Đại học	Kinh tế	Phó ban	Trưởng ban
2	Lê Xuân Trung	25/01/1966	Đại học	QTKD	Phó ban	thành viên
3	Nguyễn Thị Hiền	17/4/1977	Đại học	KTNN	Chuyên viên	thành viên

### 5.3. Ban Điều hành

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chức vụ ở HND tỉnh	Chức vụ tại Quỹ
1	Lã Văn Đoàn	28/201974	Thạc sĩ	Nông nghiệp	Phó chủ tịch	Giám đốc
2	Đình Hương Sơn	24/7/1978	Thạc sĩ	QTKD	Phó ban	Phó Giám đốc
3	Hoàng Thị Hà	01/6/1975	Đại học	Kế toán	Kế toán	Kế toán trưởng

## Phần 4

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Hội Nông dân tỉnh

Phối hợp với Sở Nội vụ trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

Phối hợp với UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua chủ trương kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ; thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ từ nguồn ngân sách tỉnh cấp.

Phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan trong việc kiểm tra, giám sát và hướng dẫn hoạt động của Quỹ theo đúng quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh trực thuộc Hội Nông dân tỉnh. Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm, trung hạn và dài hạn; báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ theo quy định.

Thực hiện các chỉ đạo, quyết định của Ban Thường vụ Hội Nông dân cấp trên đối với công tác xây dựng, quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp tỉnh.

Báo cáo UBND tỉnh xem xét bố trí ngân sách để cấp vốn điều lệ cho Quỹ.

Hằng năm, thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý Quỹ; thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

## **2. Sở Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp với Hội Nông dân tỉnh trình UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua chủ trương kiện toàn Đề án; UBND tỉnh quyết định phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bắc Giang.

## **3. Sở Tài chính**

Phối hợp với Hội Nông dân tỉnh đề hướng dẫn, xây dựng quy chế quản lý tài chính, tài sản Quỹ.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ.

## **4. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Trên cơ sở đề nghị của Hội Nông dân tỉnh, cân đối, bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương để bổ sung vốn Điều lệ cho Quỹ.

Theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn Ngân sách địa phương cấp cho Quỹ theo quy định của Luật đầu tư công và pháp luật có liên quan.

## **5. Sở Lao động – Thương binh và xã hội**

Phối hợp với Hội Nông dân tỉnh hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động của Quỹ, phù hợp với tính chất, mô hình tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

## **6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Giang**

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ; phối hợp với Hội Nông dân tỉnh kiểm tra, giám sát hoạt động cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

## **7. Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh**

Quản lý nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP và pháp luật có liên quan, bảo đảm an toàn và phát triển vốn; vận động, phát triển nguồn vốn ngoài ngân sách để bổ sung vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh./.